

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2021

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị An

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1 Bà Nguyễn Thị Kim Thu

2, Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Yến – Thư ký TAND thành phố Thái Nguyên

- **Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hương Lý - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 462/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự :

**+ Nguyên đơn: Anh Vũ Duy L1 – sinh năm 1980**

Địa chỉ: Tổ 11, phường P, TP.N, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa)

**+ Bị đơn: Chị Bùi Thị Thùy L – sinh năm 1982**

Địa chỉ: Tổ 8, phường V, TP.N, tỉnh Thái Nguyên

Hiện đang cải tạo tại Đội 55, Phân trại số 2, Trại giam 4 - Bộ Công an (vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04/5/2021, bản tự khai ngày 30/7/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vũ Duy L1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đặc biệt là từ năm 2008, chị L đã về nhà mẹ đẻ ở cho đến năm 2019 thì bị xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy, mức hình phạt 15 năm 06 tháng tù, sau đó chị L phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam 4 – Bộ Công an cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để giải phóng cho nhau. Anh cũng đã từng thông tin cho

chị L biết về việc xin ly hôn (thông qua mẹ đẻ của chị L) và anh được biết chị L cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Duy A, sinh ngày 05/12/2005. Hiện cháu Duy A đang ở với bố. Anh L1 có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung của vợ chồng: Không có

Tại biên bản ghi ý kiến của bị đơn chị Bùi Thị Thùy L tại Trại giam 4 – Bộ Công an, chị L có lời khai phù hợp với anh L1 về thời điểm kết hôn. Chị xác định vợ chồng ly thân từ năm 2007 đến nay và thừa nhận nội dung đơn xin ly hôn cũng như bản tự khai của anh L1 là hoàn toàn đúng. Nay, chị nhất trí việc anh L1 xin ly hôn.

Về con chung, chị xác định vợ chồng có 01 con chung như lời khai của anh L1. Chị nhất trí nhường quyền nuôi con cho anh L1 vì hiện nay, chị đang đi chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, chị cũng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 12/7/2021 của Tòa án về việc xem xét nguyện vọng của con chung, cháu Vũ Duy A sinh ngày 05/12/2005 trình bày: Nguyện vọng của cháu là muốn được ở với bố vì cháu ở với bố đã lâu rồi. Bố quan tâm đến cuộc sống của cháu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Duy L1, cho anh L1 được ly hôn chị Bùi Thị Thùy L. Về con chung: Giao con chung cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không giải quyết vì anh L1 không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Anh L1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] **Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại phường V, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn chị Bùi Thị Thùy L do chị L đang đi chấp hành hình phạt tù tại Trại giam 4, Bộ Công an và chị L đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2.] **Về nội dung:** Anh Vũ Duy L1 và chị Bùi Thị Thùy L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên năm 2006 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của các đương sự, có cơ sở xác định: Anh Vũ Duy L1 và chị Bùi Thị Thùy L đã chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ khoảng năm 2007 – 2008, do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân. Đến năm 2019, chị L phải đi chấp hành hình phạt tù về tội mua bán bán trái phép chất ma túy với mức hình phạt 15 năm 06 tháng tù. Nay anh L1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, chị L hoàn toàn nhất trí. Tại phiên tòa, anh L1 vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L1 đối với chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh L1, chị L có 01 con chung là Vũ Duy A, sinh ngày 05/12/2005. Hiện con chung đang ở với bố. Anh L1 có nguyện vọng được nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn, chị L cũng hoàn toàn nhất trí. Mặt khác, nguyện vọng của con chung là cháu Duy A cũng mong muốn được ở với bố. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của nguyên đơn anh Vũ Duy L1, giao con chung cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con khi bố mẹ ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, anh L1 không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L. Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong quá trình nuôi dưỡng, nếu thấy cần thiết, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện bằng vụ án yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh L1 và chị L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Anh L1 chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Vũ Duy L1 đối với chị Bùi Thị Thùy L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Duy L1 được ly hôn chị Bùi Thị Thùy L.

2. Về con chung: Anh Vũ Duy L1 và chị Bùi Thị Thùy L có 01 con chung là Vũ Duy A, sinh ngày 05/12/2005. Giao con chung cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L vì anh L1 không yêu cầu. Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Các đương sự xác định không có.

\* **Về án phí:** Anh L1 chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004940 ngày 23/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Thái Nguyên.

Anh L1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Linh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- Chi Cục THADS TPTN;
- UBND P. Trung Vương, TPTN;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)